

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày: 17/7/2020

V/v “***Tranh chấp Hợp đồng tín dụng***”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Danh Quyền**

Ông Nguyễn Dy Khải

Thư ký phiên tòa: **Ông Bùi H Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: **Ông Bùi Quang Thế** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2020/TLST - KDTM ngày 10/3/2020 về việc “***Tranh chấp Hợp đồng tín dụng***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐST - KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐHPT ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàngN**

Địa chỉ: Số 2, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh H - Giám đốc Ngân hàngN - chi nhánh Bù Nho (Theo Quyết định về việc ủy quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàngN)

Ông Lê Minh H ủy quyền lại cho ông Đinh Thế T – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04/9/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: **Ông Cao Văn D** - sinh năm: 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Doãn Thị H** – sinh năm 1979. Vắng mặt

HKTT: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2020, bản tự khai lưu tại hồ sơ a, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Thế T trình bày:

Ngày 25/01/2019, Ngân hàngN - chi nhánh Bù Nho (sau đây viết tắt là ngân hàng) và ông Cao Văn D có ký Hợp đồng tín dụng số 5609LAV-201900336 với nội Dng:

- Ngân hàng cho ông Cao Văn D vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Mục đích vay: Kinh doanh sắt thép.

- Lãi suất: 9,8%/năm, lãi suất quá hạn: 14,7%/năm; Kỳ hạn trả lãi: 03 tháng trả lãi một lần. Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi suất cho vay được thay đổi theo quy định của Ngân hàngN chi nhánh tỉnh Bình Phước.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất đã thỏa thuận.

- Phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Thời hạn vay 12 tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 25/01/2019, giữa Ngân hàngN – chi nhánh Bù Nho và ông D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5609-2019012502 có nội Dng: Ông Cao Văn D thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 1.015m² tại thôn 3, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CE 248391 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/11/2016 cho ông Cao Văn D và vợ là bà Doãn Thị H, tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4 có diện tích sử dụng 100m².

Ngân hàngN - chi nhánh Bù Nho đã thực hiện việc giải ngân tiền cho ông D theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký với số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông D và bà H trả ngân hàng số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Nếu ông D, bà H không trả được nợ, ngân hàng sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Cao Văn D trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông D vắng mặt nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đồng thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Cao Văn D nhưng ông D vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của ông Cao Văn D.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Doãn Thị H trình bày:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bà H vắng mặt nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đồng thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với bà Doãn Thị H nhưng bà H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của bà Doãn Thị H.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội Dung vụ án:* Căn cứ các Điều 117, 119, 320, 323, 408, 419, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàngN. Buộc ông Cao Văn D và bà Doãn Thị H phải trả Ngân hàngN số tiền nợ gốc 300.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng. Nếu ông D, bà H không trả hoặc không trả đủ số tiền trên thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.015m² tại thôn 3, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, GCNQSDĐ số CE 248391 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/11/2016 cho ông Cao Văn D và vợ là bà Doãn Thị H, tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4 có diện tích sử dụng 100m² để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàngN và bị đơn là ông Cao Văn D, có địa chỉ cư trú tại: Thôn 3, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án, bị đơn ông Cao Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Doãn Thị H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về nội Dng vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Hợp đồng tín dụng số 5609-LAV-201900336 ngày 25/01/2020 được ký kết giữa Ngân hàngN – chi nhánh Bù Nho và ông Cao Văn D, các bên thống nhất thỏa thuận trong hợp đồng: Ngân hàngN – chi nhánh Bù Nho đồng ý cho ông Cao Văn D vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận, phạt chậm trả lãi 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên ngân hàng giải ngân cho ông D đến ngày 25/01/2020. Nghĩa vụ của hợp đồng được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5609-2019012502 ngày 25/02/2019; ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu bên vay không trả nợ khi đến hạn trong trường hợp các bên không có thỏa thuận khác. Nội Dng và hình thức Hợp đồng đã tuân thủ quy định tại các điều 117 và 119 Bộ luật dân sự năm 2015 khi giao kết nên xác định đây là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàngN – chi nhánh Bù Nho đã thực hiện đúng cam kết là giải ngân số tiền 300.000.000 đồng cho ông Cao Văn D vay, ông D đã nhận đủ số tiền này. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ nhưng ông D và bà H không trả được nợ và giữa các bên cũng không thỏa thuận cơ cấu lại nợ nên ngân hàng đã khởi kiện ông D, bà H tại Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền này Ngân hàngN - chi nhánh Bù Nho đã nộp. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Cao Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Doãn Thị H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàngN.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàngN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng. Ông D, bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26; 35; 39; khoản 4 Điều 147; 157; 158 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàngN.

Buộc ông Cao Văn D và bà Doãn Thị H phải trả Ngân hàngN tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/7/2020 là 336.195.180 (Ba trăm ba mươi sáu triệu một trăm chín mươi lăm nghìn một trăm tám mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 35.320.275đ (ba mươi lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn 874.905đ (Tám trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm linh năm đồng).

Kể từ ngày 18/7/2020, ông D, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số 5609-LAV-201900336 ngày 25/1/2019 giữa Ngân hàngN – chi nhánh Bù Nho và ông Cao Văn D cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

2. Tiếp tục Duyệt biện pháp thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5609-2019012502 ngày 25/1/2019 giữa Ngân hàngN – chi nhánh Bù Nho và ông Nguyễn Trọng Minh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông D, bà H không trả hoặc không trả đủ số tiền trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàngN có quyền yêu cầu có quan có thẩm quyền phát mại tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 1.015m² tại thôn 3, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất là căn nhà cấp IV có diện tích 100m². Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 248391 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/11/2016 cho ông Cao Văn D và bà Doãn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5609-201912502 ngày 25/1/2019 để đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàngN. Nếu tài sản bảo đảm cho khoản vay trên sau khi phát mại

không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam thì ông D, bà H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả xong các khoản nợ theo đúng hợp đồng đã ký.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp: là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) Ngân hàngN không phải chịu. Ông Cao Văn D và bà Doãn Thị H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàngN.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Cao Văn D và bà Doãn Thị H phải liên đới chịu 16.810.000đ (Mười sáu triệu tám trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàngN số tiền tạm ứng án phí 8.125.000đ (Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011566 ngày 10/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hải

